|  |  |
| --- | --- |
| **Mã số trên CSDLQG** | [**1.002758**](https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-tthc-thu-tuc-hanh-chinh-chi-tiet.html?ma_thu_tuc=3938) |
| **Tên Thủ tục** | **Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.** |
| **Lĩnh vực** | **HÓA CHẤT** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** |  | **Nội dung** |
| 1 | **Trình tự thực hiện:** | - Thương nhân gửi một (01) bộ hồ sơ về Trung tâm Hành chính công tỉnh (Sở Công Thương).  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp Giấy chứng nhận phải có văn bản yêu cầu bổ sung.  - Trong thời gian 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định Sở Công Thương có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. |
| 2 | **Cách thức thực hiện** | ***Nộp hồ sơ, nhận kết quả tại trung tâm Hành chính công Tỉnh:***  - Qua dịch vụ chuyển phát.  - Dịch vụ bưu chính công ích.  - Trực tuyến qua cổng thông tin dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Ninh.  - Trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. |
| 3 | **Thành phần hồ sơ** | - Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp;  - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;  - Bản kê khai về từng địa điểm kinh doanh;  - Bản sao Quyết định phê duyệt hoặc văn bản xác nhận các tài liệu liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành;  - Bản sao văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với từng cơ sở sản xuất thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;  - Biên bản kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy hoặc văn bản của cơ quan có thẩm quyền chứng minh đảm bảo đủ điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với từng kho chứa hóa chất không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;  - Bản vẽ tổng thể hệ thống mặt bằng của từng địa điểm kinh doanh, nội dung bản vẽ phải đảm bảo các thông tin về vị trí kho chứa, khu vực chứa hóa chất, diện tích và đường vào khu vực kho hóa chất; Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất xây dựng kho chứa hoặc Hợp đồng thuê kho đối với trường hợp thuê kho lưu trữ hoặc Hợp đồng hay thỏa thuận mua bán hóa chất trong trường hợp sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất;  - Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của từng địa điểm kinh doanh hóa chất;  - Bản sao bằng trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất của người phụ trách về an toàn hóa chất;  - Bản sao quyết định công nhận kết quả kiểm tra huấn luyện an toàn hóa chất của tổ chức, cá nhân theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 34 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP;  - Phiếu an toàn hóa chất của các hóa chất nguy hiểm trong cơ sở kinh doanh theo quy định. |
| 4 | **Số lượng hồ sơ** | 01 bộ |
| 5 | **Thời hạn giải quyết** | 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. |
| 6 | **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính** | Tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp. |
| 7 | **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính** | Sở Công Thương |
| 8 | **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính** | Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong kĩnh vực công nghiệp. |
| 9 | **Phí, lệ phí** | 1.200.000đ/Giấy chứng nhận |
| 10 | **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai** | - Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp theo mẫu số 01a Phụ lục VI của Nghị định 82/2022/NĐ-CP;  - Bản kê khai thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn của cơ sở sản xuất hóa chất theo mẫu số 01g Phụ lục VI của Nghị định 82/2022/NĐ-CP. |
| 11 | **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính** | *Điều kiện kinh doanh:*  - Là tổ chức, cá nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;  - Cơ sở vật chất - kỹ thuật phải đáp ứng yêu cầu trong kinh doanh theo quy định tại Điều 12 của Luật hóa chất; Điều 4; khoản 2 Điều 5; khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Nghị định này;  - Có cửa hàng hoặc địa điểm kinh doanh, nơi bày bán đảm bảo các yêu cầu về an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật;  - Có kho chứa hoặc có hợp đồng thuê kho chứa hóa chất hoặc sử dụng kho của tổ chức, cá nhân mua hoặc bán hóa chất đáp ứng được các điều kiện về bảo quản an toàn hóa chất, an toàn phòng, chống cháy nổ;  - Người phụ trách về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh hóa chất phải có trình độ trung cấp trở lên về chuyên ngành hóa chất;  - Các đối tượng quy định tại Điều 32 của Nghị định 113/2017/NĐ-CP phải được huấn luyện an toàn hóa chất. |
| 12 | **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính** | - Luật số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007 của Quốc hội “Luật Hoá chất”;  - Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất”;  - Nghị định 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017;  - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ “Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương”;  - Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương “Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định số [113/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-113-2017-nd-cp-huong-dan-luat-hoa-chat-346246.aspx) ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất”;  - Thông tư 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 32/TT-BCT ngày 28/12/2017;  - Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính “Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất”. |

**Mẫu 01a**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN (1)  -----------------** | | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ------------------------------------------------** |
| Số: ……. (2) | *……(3), ngày ….. tháng …. năm ……* | |

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện …….(4) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong trong lĩnh vực công nghiệp**

Kính gửi: Sở Công Thương............

Tên tổ chức/cá nhân:………………………………………………………. (1)

Địa chỉ trụ sở chính: ……………….., Điện thoại: …………………… Fax: .

Địa chỉ sản xuất, kinh doanh: ……Điện thoại: ………..Fax: .

Loại hình: Sản xuất □ Kinh doanh □

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hộ kinh doanh số ………. do ………………… cấp ngày …… tháng ……… năm……

Đề nghị Sở Công Thương xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện .............(4) hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, gồm:

**1. Hóa chất sản xuất:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thương mại | Thông tin hóa chất/tên thành phần (5) | | | | Khối lượng(6) | Đơn vị tính(7) | Ghi chú |
| Tên hóa học | Mã CAS | Công thức hóa học | Hàm lượng |
| 1 | VD: ABC | Axeton | 67-64-1 | C3H6O | 30% | 100 | Tấn/năm |  |
| Toluen | 108-88-3 | C7H8 | 20% |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| n |  |  |  |  |  |  |  |  |

**2. Hóa chất kinh doanh:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thương mại | Thông tin hóa chất/tên thành phần (5) | | | | Khối lượng(6) | Đơn vị tính(7) | Ghi chú |
| Tên hóa học | Mã CAS | Công thức hóa học | Hàm lượng |
| 1 | VD: ABC | Axeton | 67-64-1 | C3H6O | 30% | 500 | Tấn/năm |  |
| Toluen | 108-88-3 | C7H8 | 20% |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| n |  |  |  |  |  |  |  |  |

………… (1) xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Luật hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất; Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất. Nếu vi phạm …............ (1) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.nếu vi phạm ………… (1) xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

………… (1) gửi kèm theo hồ sơ liên quan, bao gồm:

…………………………………… (8)…………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**  (Ký tên và đóng dấu) |

***Ghi chú***:

(1): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp;

(2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;

(3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính;

(4): Ghi rõ “sản xuất” hoặc “kinh doanh” hoặc “sản xuất và kinh doanh”;

(5): Chỉ kê khai các thành phần là chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp và Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Luật Hóa chất; Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

(6): Kê khai khối lượng hóa chất sản xuất, kinh doanh tối đa trong một năm;

(7): Đơn vị đo khối lượng trên đơn vị thời gian là một năm;

(8): Tên các giấy tờ kèm theo.**Mẫu 01g**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN (1)** | | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -------------------------------------------------** |
| Số: ……. (2) | *………(3), ngày ….. tháng …. năm ……* | |

**BẢN KÊ KHAI THIẾT BỊ KỸ THUẬT,**

**TRANG BỊ PHÒNG HỘ LAO ĐỘNG VÀ AN TOÀN CỦA**

**CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH HÓA CHẤT**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên các thiết bị kỹ thuật, trang bị phòng hộ lao động và an toàn  trong sản xuất, kinh doanh | Thông số kỹ thuật chính | Xuất xứ | Năm sản xuất | Thời gian hiệu chuẩn, kiểm định gần nhất | Thời hạn hiệu chuẩn, kiểm định |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| n |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**  (Ký tên và đóng dấu) |

**Ghi chú:**

(1): Tên tổ chức, cá nhân;

(2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh giấy phép;

(3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký cấp điều chỉnh Giấy phép đóng trụ sở chính.